

Bản án số: 25/2019/DS-ST

Ngày: 19/8/2019

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh Hưởng.**
2. Ông **Trần Văn Phước.**

Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2019/TLST – DS ngày 26 tháng 4 năm 2019, về việc: **“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2019/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B. Địa chỉ: Tòa nhà T, số S, đường Đ, phường P, quận Q, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn: Anh Võ Ph.Ph - Chuyên viên phòng khách hàng, thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh Bạc Liêu. Địa chỉ: Số S, đường T, phường P, thành phố T, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Chị Trương Th.H - sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp Mỹ I, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Ngày 20/12/2017, chị Trương Th.H đã ký hợp đồng tín dụng số: HD271420121704920 và Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ để vay tiền tại Ngân hàng TMCP B số tiền gốc là

60.000.000đ, mục đích vay để tiêu dùng, thời hạn vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ là nợ gốc và tiền lãi theo phương thức định kỳ hàng tháng và trả cố định ngày 20 hàng tháng, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là 1.000.000đ/kỳ, tiền nợ lãi phải trả tính trên dư nợ thực tế tại từng thời điểm, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 20/01/2018, kỳ trả nợ cuối cùng là ngày 20/12/2022. Lãi suất thỏa thuận là lãi suất cho vay (LS_{cv}): 03 tháng đầu 12%/năm, từ tháng thứ 04 trở đi LS_{cv} được tính theo công thức: $LS_{CV} = LS_{\text{Tiết kiệm thường kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ}} + 4.75\%/năm$.

Sau khi vay vốn, chị Trương Th.H đã thường xuyên trả trễ hạn đến ngày 30/07/2018 chị Trương Th.H đã không trả nợ đúng hạn dẫn đến vi phạm hợp đồng phát sinh nợ quá hạn. Tính đến ngày 14/5/2019, tổng số tiền nợ mà chị Trương Th.H phải trả cho Ngân hàng là: 53.808.309đ (Trong đó nợ gốc 50.000.000đ, nợ lãi chưa thanh toán 3.408.522đ, nợ lãi quá hạn 399.787đ và nợ lãi phát sinh từ ngày 15/5/2019 đến khi chị H thanh toán xong nợ cho Ngân hàng với mức lãi suất thể hiện tại hợp đồng tín dụng số HD271420121704920 ngày 20 tháng 12 năm 2017 mà chị H đã ký kết với Ngân hàng. Ngân hàng yêu cầu chị Trương Th.H thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng.

* Bị đơn chị Trương Th.H vắng mặt nhưng lời khai của chị H có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị H thừa nhận nợ như yêu cầu và trình bày của Ngân hàng tại thông báo thụ lý vụ án số 106 ngày 26/4/2019 và bản tự khai ngày 14/5/2019 của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày. Chị H xác định đây là nợ riêng của chị H và đồng ý trả toàn bộ nợ gốc và tiền lãi theo yêu cầu của Ngân hàng trong một lần vào ngày 02 tháng 7 năm 2019.

*** Tại phiên tòa:**

- Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn nộp văn bản yêu cầu vắng mặt.
- Chị Trương Th.H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.
- Không có đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ mới.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B, buộc chị Trương Th.H trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 50.000.000đ, nợ lãi chưa thanh toán 3.408.522đ, nợ lãi quá hạn 399.787đ và nợ lãi phát sinh từ ngày 15/5/2019 đến khi chị H thanh toán xong nợ cho Ngân hàng với mức lãi suất

thể hiện tại hợp đồng tín dụng số: HD271420121704920 ngày 20 tháng 12 năm 2017 mà chị H đã ký kết với Ngân hàng.

*** Các tình tiết của vụ án:**

- Ngày 20/12/2017 chị Trương Th.H đã ký Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HD271420121704920 vay của Ngân hàng TMCP B số tiền 60.000.000đ. Các bên thỏa thuận Lãi suất cho vay (LS_{cv}): 03 tháng đầu 12%/năm, từ tháng thứ 04 trở đi LS_{cv} được tính theo công thức: $LS_{CV} = LS_{Tiết\ kiệm\ thường\ kỳ\ hạn\ 13\ tháng\ trả\ lãi\ cuối\ kỳ} + 4.75\%/năm$; Thời hạn vay là 60 tháng; Kỳ hạn trả nợ gốc và tiền lãi trả cố định vào ngày 20 hàng tháng, số tiền nợ gốc mỗi kỳ là 1.000.000đ, tiền lãi tính trên dư nợ thực tế từng thời điểm; Kỳ hạn trả nợ bắt đầu từ ngày 20/01/2018 đến ngày 20/12/2022.

- Chị Trương Th.H đã thường xuyên trả nợ trễ hạn, kể từ ngày 30/7/2018 chị Trương Th.H đã vi phạm hợp đồng vay là không trả nợ đúng hạn dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Tính đến ngày 14/5/2019 chị H còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 50.000.000đ, nợ lãi chưa thanh toán là 3.408.522đ, nợ lãi quá hạn là 399.787đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/5/2019 đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất được thể hiện tại hợp đồng tín dụng số: HD271420121704920 ngày 20/12/2017 mà chị Trương Th.H đã ký kết với Ngân hàng.

- Chị H thừa nhận nợ, đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Ngân hàng TMCP B yêu cầu chị H trả nợ vay, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ:

Vào ngày 20/12/2017 chị Trương Th.H có ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HD271420121704920 để vay của Ngân hàng TMCP B số tiền 60.000.000đ. Tại hợp đồng vừa nêu các bên đã thỏa thuận về lãi suất và phương thức trả nợ là: Lãi suất cho vay (LS_{cv}): 03 tháng đầu 12%/năm, từ tháng thứ 04 trở đi LS_{cv} được tính theo công thức: $LS_{CV} = LS_{Tiết\ kiệm\ thường\ kỳ\ hạn\ 13\ tháng\ trả\ lãi\ cuối\ kỳ} + 4.75\%/năm$. Kỳ hạn trả nợ gốc và tiền lãi trả cố định vào ngày 20 hàng tháng, số tiền nợ gốc trả mỗi kỳ là 1.000.000đ, tiền lãi tính trên dư nợ thực tế từng thời điểm, kỳ hạn trả nợ bắt đầu từ ngày 20/01/2018 đến ngày 20/12/2022.

Do vào ngày 30/7/2018 chị H vi phạm kỳ hạn trả nợ với Ngân hàng, nên toàn bộ nợ còn lại chuyển sang nợ quá hạn. Theo xác định của Ngân hàng thì đến ngày 14/5/2019 chị H nợ gốc là 50.000.000đ, nợ lãi chưa thanh toán là 3.408.522đ, nợ lãi quá hạn là 399.787đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/5/2019.

Chị H thừa nhận nợ như Ngân hàng trình bày và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên được Hội đồng xét xử lấy làm căn cứ để giải quyết vụ án.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP B, buộc chị Trương Th.H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 50.000.000đ, nợ lãi chưa thanh toán là 3.408.522đ, nợ lãi quá hạn là 399.787đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/5/2019 đến khi chị H trả xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất được thể hiện tại hợp đồng tín dụng số: HD271420121704920 ngày 20/12/2017 mà chị Trương Th.H đã ký kết với Ngân hàng.

[6] Về án phí dân sự không có giá ngạch trong vụ án:

- Do Ngân hàng được chấp nhận yêu cầu, nên không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp là 1.329.000đ.

- Buộc chị Trương Th.H phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là $53.808.309đ \times 5\% = 2.690.415đ$.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 91, 92 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B, buộc chị Trương Th.H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 50.000.000đ, nợ lãi chưa thanh toán là 3.408.522đ, nợ lãi quá hạn là 399.787đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/5/2019 đến khi chị H trả xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất được thể hiện tại hợp đồng tín dụng số: HD271420121704920 ngày 20/12/2017 mà chị Trương Th.H đã ký kết với Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án:

- Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.329.000đ mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014033 ngày 26/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

- Buộc chị Trương Th.H phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 2.690.415đ.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Đang